

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI VẬT CHẤT ĐƯỢC BỒI THƯỜNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Quyền được bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra hay trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước đối với thiệt hại do người của Nhà nước gây ra đã được ghi nhận trong Hiến pháp cũng như trong Bộ luật Dân sự. Khi có hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ, có trường hợp trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phát sinh mà không phụ thuộc vào mức thiệt hại xảy ra trong thực tế như trách nhiệm khôi phục danh dự đối với một số người bị oan, sai trong hoạt động tố tụng hình sự. Đối với loại trách nhiệm này, cơ quan nhà nước phải xin lỗi, cải chính công khai và chúng ta không cần quan tâm nhiều tới mức độ thiệt hại.

Ngược lại, đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước, việc xác định mức độ thiệt hại là cần thiết vì mức bồi thường thiệt hại phụ thuộc vào mức thiệt hại trong thực tế: thiệt hại càng nhiều thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước càng cao. Bên cạnh đó, để hạn chế những bất đồng giữa người bị thiệt hại và cơ quan có trách nhiệm bồi thường về thiệt hại, mức thiệt hại được bồi thường cũng như tạo điều kiện cho Tòa án trong việc ấn định mức bồi thường, văn bản quy định chi tiết về thiệt hại được bồi thường là cần thiết. Chính vì lẽ đó Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã đưa ra nhiều quy định liên quan đến thiệt hại được bồi thường. Tuy nhiên, ở chuyên đề này chúng tôi xin đề cập đến phương pháp xác định thiệt hại vật chất được bồi thường theo quy định của pháp luật hiện nay.

Đối với phần thiệt hại do tài sản bị phát mãi, mất được xác định là phần thiệt hại ngoài hợp đồng, thiệt hại tồn tại khi tài sản bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng¹. Theo quy định tại khoản 1, Điều 45, đối với Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, khi tài sản “bị mất” thì cũng được coi là có thiệt hại.

Bên cạnh đó, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước còn coi tài sản bị phát mãi là thiệt hại vì người có tài sản không thể nhận lại tài sản bị phát mãi nên cũng coi như là họ có tài sản bị mất. Trong thực tế, trường hợp tài sản bị phát mãi khá phổ biến trong lĩnh vực thi hành án dân sự và ví dụ sau đây cho thấy điều này.

¹ Khoản 1, Điều 608, Bộ luật dân sự 2015

Ví dụ theo một bản án, “quyền sử dụng thửa đất số 83 và tài sản trên đất tại thời điểm năm 1997 là của tài sản chung của vợ chồng ông Liêm và bà Dung. Như vậy, “giá trị tài sản nêu trên là của ông Liêm. Đội thi hành án huyện Thống nhất đã bán phần tài sản này của ông Liêm để thực hiện nghĩa vụ thi hành án của bà Dung là trái với quy định của pháp luật (...). Do đó, Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông Liêm phần thiệt hại này”.

So với quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đi xa hơn với quy định cho biết cách thức xác định giá trị tài sản bị mất hay bị coi như mất. Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định trường hợp tài sản đã bị phát mại, bị mất thì thiệt hại được xác định căn cứ vào giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật và mức độ hao mòn của tài sản đã bị phát mại, bị mất trên thị trường². Giá trị của tài sản trên thị trường biến động theo thời gian nên việc xác định giá trị của tài sản ở thời điểm nào cũng rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới mức bồi thường. Trong trường hợp này cần theo hướng giá trị tài sản được xác định tại thời điểm giải quyết bồi thường và tại nơi xảy ra thiệt hại.

Trong vụ việc nêu trên, giá trị tài sản của ông Liêm ở thời điểm bán đấu giá năm 1997 là 76 triệu đồng nhưng ở thời điểm giải quyết bồi thường năm 2012 khoảng 2;3 tỷ đồng và Tòa án đã xác định mức tiền bồi thường theo giá trị hiện tại của tài sản: theo Tòa án, “theo kết quả định giá tài sản tổng giá trị tài sản chung của bà Dung, ông Xiêm đã bị bán đấu giá là 4.786.636.200 đồng. Như vậy, chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom có nghĩa vụ bồi thường cho ông Liêm “giá trị tài sản trên với số tiền là 2.393.318.100 đồng”.

Về giá trị tài sản được bồi thường cần được xác định bồi thường theo giá của thị trường. Tuy nhiên, trong trường hợp các bên đạt được thỏa thuận thì theo giá trị mà các bên đã đạt được thỏa thuận và trong thực tế, đã có Tòa án theo hướng này³.

Về phương pháp xác định đối với tài sản bị hư hỏng cũng được áp dụng chung trong các quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng⁴. Theo

² Theo khoản 1 Điều 45 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

³ Xem thêm chuyên đề về Cách xác định thiệt hại do tổn thất về tinh thần được bồi thường theo pháp luật Việt Nam – Trên cơ sở dữ liệu nguồn hỗ trợ bồi dưỡng của TT Bồi dưỡng đại biểu dân cử.

⁴ Khoản 2 Điều 589, Bộ luật dân sự 2015

quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì tài sản bị hư hỏng là một loại thiệt hại được bồi thường. Tuy nhiên, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định trường hợp tài sản bị hư hỏng thì thiệt hại được xác định là chi phí có liên quan theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết bồi thường để sửa chữa, khôi phục lại tài sản⁵. Bên cạnh đó, Luật còn đánh đồng trường hợp tài sản bị hư hỏng không thể khắc phục được với tài sản bị mất: vẫn theo điều khoản trên, “nếu tài sản bị hư hỏng không thể sửa chữa, khôi phục thì thiệt hại được xác định là bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng.

Quy định trên đề cập đến trường hợp “tài sản bị hư hỏng không thể sửa chữa, khôi phục” và trong thực tế có Tòa án vận dụng quy định này cho trường hợp tài sản bị hư hỏng và người bị thiệt hại từ chối nhận tài sản.

Ví dụ, theo một bản án, “căn cứ điều 45 luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bà A yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị 50 khúc gỗ do Công an huyện Hải Lăng thu giữ. Số gỗ này mặc dù bản án hình sự phúc thẩm yêu cầu trả lại cho bà A nhưng do bị hư hỏng nên bà A không nhận, có xác nhận của chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. Quá trình hòa giải, cũng như tại phiên tòa, hai bên đương sự thỏa thuận Viện kiểm soát bồi thường 3.200.000 đồng, thỏa thuận này có căn cứ cần chấp nhận.

Trong thực tế, có Tòa án còn vận dụng quy định trên cho trường hợp tài sản bị hư hỏng và bên bị thiệt hại bán tài sản này với giá thấp hơn. Ở đây, cơ quan nhà nước phải trả khoản tiền chênh lệch. Trong vụ việc của bà A nêu trên liên quan đến 47m³ gỗ trong hoạt động của doanh nghiệp của bà A, Tòa án đã xét rằng “số gỗ đó bị hư hỏng còn tận dụng được 50% cơ chế, cưa xẻ, nên ngày 1-4-2010, bà N em của bà A đã bán cho bà K giá 25.850.000 đồng. Vì vậy, do bà A bị bắt đã gây thiệt hại về tài sản của bà, cần chấp nhận buộc Viện kiểm sát bồi thường 25.850.000 đồng”.

Phương pháp xác định đối với tài sản không được sử dụng khai thác cũng được áp dụng chung đối với các quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng⁶ nhưng với ngôn từ khác nhau, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước coi việc tài sản không được sử dụng, khai thác là một loại thiệt hại được bồi thường (khoản 3 Điều 45).

⁵ Theo khoản 2 Điều 45 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

⁶ Khoản 3 Điều 589 Bộ luật dân sự 2015

Ngoài ra, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước còn cho biết cách xác định loại thiệt hại này tại khoản 3 Điều 45, theo đó “trường hợp có thiệt hại phát sinh do việc không sử dụng, khai thác tài sản thì thiệt hại được xác định là thu nhập thực tế bị mất. Đối với những tài sản trên thị trường có cho thuê, thu nhập thực tế bị mất được xác định phù hợp với mức giá thuê của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng, tác dụng và chất lượng tại thời điểm giải quyết bồi thường; đối với những tài sản trên thị trường không có cho thuê, thu nhập thực tế bị mất được xác định trên cơ sở thu nhập do tài sản bị thiệt hại mang lại trong điều kiện bình thường trước thời điểm thiệt hại xảy ra; nếu tài sản bị kê biên được giao cho người bị thiệt hại hoặc người khác quản lý thì chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại về tài sản được xác định là những thiệt hại được bồi thường”. Hướng xác định thiệt hại như trên là thuyết phục và tương đồng với cách xác định thiệt hại của thực tiễn xét xử trong khuôn khổ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Bên cạnh đó, Thông tư liên tịch trong lĩnh vực tố tụng hình sự quy định bổ sung cho trường hợp tài sản là đối tượng của hợp đồng thuê tài chính: “thu nhập thực tế bị mất giá trị còn lại của hợp đồng”.

Trong vụ việc nêu trên liên quan đến tài sản của ông Liêm bị bán đấu giá, Tòa án còn xét rằng: “Đối với yêu cầu của ông Liêm về việc yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom bồi thường thiệt hại do phải thuê nhà với mức 1.000.000 đồng/tháng: xét thấy yêu cầu này là có căn cứ, vì thực tế sau khi ông bị cưỡng chế thì ông và các con ông không có nhà nào khác. Tính từ tháng 9-1997 đến tháng 7 năm 2012 thời gian không có nhà ở là 14 năm 10 tháng (tức 173 tháng). Như vậy, thiệt hại do ông Liêm thuê nhà ở là 1.000.000 đồng/tháng X 178 (tháng)=178.000.000đồng. Ví dụ này cho thấy, khi tài sản bị mất hay phát mãi, ngoài việc bồi thường giá trị tài sản bị mất (phát mãi) như đã trình bày ở phần trên, người bị thiệt hại còn có thể được bồi thường việc mất giảm giá trị khai thác tài sản .

Việc xác định lãi phát sinh được quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng so Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước còn có quy định đặc thù về tiền nộp vào ngân sách. Cụ thể, theo khoản 4 Điều 45: “Các khoản tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bị tịch thu, thi hành án, khoản tiền đã đặt để bảo đảm tại cơ quan có

thảm quyền được hoàn trả cho người bị thiệt hại hoặc thân nhân của họ; trường hợp khoản tiền đó là khoản vay có lãi thì phải hoàn trả cả khoản lãi hợp pháp; trường hợp khoản tiền đó không phải là khoản vay có lãi thì phải hoàn trả cho người bị thiệt hại hoặc thân nhân của họ cả khoản lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm giải quyết bồi thường”. Theo quy định này, người bị thiệt hại được nhận lại tài sản đã giao cho cơ quan nhà nước và tiền lãi phát sinh từ khoản tiền đã giao. Thực ra, khoản tiền hoàn trả không là thiệt hại mà thiệt hại nếu có là lãi mà khoản tiền đã giao cho cơ quan nhà nước đáng ra làm phát sinh nếu không có việc giao tiền cho cơ quan nhà nước. Quy định nêu trên không thực sự mới và, trong thực tiễn xét xử trước đây, Tòa án đã theo hướng này .

Theo quy định trên, trách nhiệm chịu lãi phát sinh đối với khoản tiền đã nộp vào ngân sách có nghĩa là ngân sách nhà nước được nhận nhiều hơn so với những gì đáng ra được nhận. Trong thực tế còn có thể xảy ra trường hợp Nhà nước đáng ra phải trả cho người dân một khoản tiền nhưng người của cơ quan nhà nước chỉ trả cho người dân một khoản tiền nhỏ hơn. Khoản tiền chênh lệch mà người dân đáng ra được nhận có nghĩa là ngân sách nhà nước đã chi ít hơn khoản tiền đáng ra phải chi có phát sinh lãi theo quy định trên không? Nếu bám sát vào ngôn từ của điều luật thì câu trả lời là không nhưng hướng giải quyết này không thuyết phục, gây thiệt hại cho người dân: Trong cả hai trường hợp trên, người dân cần được bảo vệ như nhau. Để hiểu rõ, chúng ta cùng nghiên cứu hoàn cảnh sau:

Ông Lung và bà Vi có 119,89m² đất bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư, mở rộng nâng cấp đường và ủy ban nhân dân quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông Lung và bà Vi với giá 4.500.000 đồng/m², trong đó bị trừ 100% nghĩa vụ tài chính 1.600.000 đồng/m² nên chỉ bồi thường 2.900.000 đồng/m² X 119,89m² = 347.681.000 đồng. Sau khi đối chiếu với quy định, Tòa án đã xét rằng: “Nhà và đất của bà Vi và ông Lung là được bồi thường đất và không thuộc đối tượng nộp tiền sử dụng đất nên không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính” nên quyết định nêu trên của ủy ban nhân dân được Tòa án xác định là “không đúng theo quy định pháp luật”, ở đây, đáng ra vợ chồng ông Lung đã nhận được một khoản tiền lớn hơn 347.681.000 đồng nhưng do hành vi trái pháp luật của Ủy ban nhân dân nên họ chỉ được nhận khoản tiền này. Theo chúng tôi, đối với

khoản tiền chênh lệch (chưa được nhận), ủy ban nhân dân cũng cần phải thanh toán lãi phát sinh theo quy định trên.

Đây là hướng giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 trong một vụ việc tương tự (Bản án số 03/2012/HCST, ngày 9-3- 2012 của Tòa án nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng rất tiếc đã bị Tòa phúc thẩm hủy vì chưa tính được khoản tiền chính xác làm phát sinh lãi suất. Cụ thể, theo Tòa án nhân dân Quận 6, “do ủy ban nhân dân Quận 6 áp dụng chính sách bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất không thỏa đáng, gây thiệt hại tài sản, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của bà Loan, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận 6 bồi thường thiệt hại bổ sung tiền nghĩa vụ tài chính do bị giải tỏa một phần căn nhà trên $1.600.000 \text{ đồng/m}^2 \times 70,6 \text{ m}^2 = 112.960.000 \text{ đồng}$ cho bà Loan. Căn cứ khoản 6 Điều 25, Bộ luật tổ tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011, Điều 608 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 4 Điều 45, Luật trách nhiệm, bồi thường của Nhà nước có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2010 quy định về thiệt hại do tài sản bị xâm phạm thì các khoản tiền đã nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được hoàn trả cho người bị thiệt hại thì trường hợp nếu không phải là khoản vay có lãi thì phải hoàn trả cho người bị thiệt hại theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm giải quyết bồi thường. Tại Quyết định của Ngân hàng Nhà nước số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29-11-2010 thì lãi suất cơ bản 9%/năm tức 0,75%/tháng và được tính như sau: ủy ban nhân dân Quận 6 ban hành Quyết định số 1303/QĐ-HĐBT, ngày 4-5-2005, nhưng ngày 15-6-2005, bà Loan nhận tiền bồi thường và bàn giao đất thì tiền lãi được chỉ tính từ tháng 6-2005 đến ngày xét xử sơ thẩm là tháng 3-2012 là 82 tháng: $112.960.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 82 \text{ tháng} = 69.470.000 \text{ đồng}$ mà ủy ban nhân dân Quận 6 phải bồi thường”.

Quy định trên cho biết người bị thiệt hại được bồi thường lãi và cho biết mức lãi mà Nhà nước phải bồi thường nhưng chưa cho biết thời điểm bắt đầu cũng như cuối cùng Nhà nước chịu lãi (thời gian Nhà nước chịu lãi), về chủ đề này, văn bản hướng dẫn đã cho biết hướng xác định. Chính vì thế, cần quy định thời gian tính lãi đối với các khoản tiền quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật theo hướng được tính từ ngày tiền được nộp vào ngân sách nhà nước; bị tịch thu; thi hành án; được đặt để bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền đến ngày ban hành

quyết định giải quyết bồi thường của cơ quan có trách nhiệm bồi thường hoặc bản án, quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính cũng cần xác định theo hướng xác định thời gian chịu lãi.

Qua thực tiễn phương pháp tính lãi được quy định rất khác nhau. Thông thường, lãi được tính đến ngày ban hành bản án, quyết định của Tòa án nhưng trong lĩnh vực thi hành án dân sự thì lãi được tính từ ngày tiền được nộp vào ngân sách nhà nước; bị tịch thu; thi hành án cho đến ngày ban hành quyết định giải quyết bồi thường của cơ quan có trách nhiệm bồi thường hoặc cho đến ngày có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Các tính trong lĩnh vực thi hành án dân sự là muộn hơn so với các quy định trên vì lãi không được tính đến ngày “ban hành bản án, quyết định của Tòa án” mà đến ngày “có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án”.

Chính vì vậy, cần nghiên cứu về phương pháp tính lãi trong luật Bồi thường trách nhiệm của Nhà nước theo hướng Nhà nước phải chịu lãi cho đến khi người bị thiệt hại nhận được tiền mà họ đã nộp hay đáng ra được nhận nhằm bảo vệ quyền lợi của người bị hại.

Trường hợp được bồi thường. Các quy định trên cho biết cách xác định thiệt hại tài sản bị xâm phạm nhưng lại không cho biết trường hợp nào tài sản bị xâm phạm trong khuôn khổ trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Trong thực tế, tài sản có thể bị xâm phạm trong lĩnh vực quản lý hành chính, thi hành án dân sự... Đối với lĩnh vực tố tụng hình sự, khoản 7 Điều 26, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định: “Tổ chức, cá nhân có tài sản bị thiệt hại do việc thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu, xử lý có liên quan đến các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì được bồi thường”.

Đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật này chỉ liệt kê chi tiết những trường hợp được bồi thường khi tài sản bị xâm phạm trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Trên cơ sở nguyên tắc chung về bồi thường thiệt hại, chúng ta nên hiểu, nếu tài sản bị xâm phạm ngoài lĩnh vực tố tụng hình sự, người bị thiệt hại cũng được bồi thường.

b) Thiệt hại do thu thập bị mất

Đối với trường hợp bồi thường mất, giảm thu nhập được quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo hướng thiệt hại do thu nhập

thực tế bị mất hoặc bị giảm sút,... Như vậy, mất, giảm thu nhập xuất phát từ hành vi của người thi hành công vụ là thiệt hại được bồi thường. Trong trường hợp người bị thiệt hại vẫn nhận lương, tiền công đầy đủ thì không có mất, giảm thu nhập nên họ không được bồi thường. Trong trường hợp họ có nhận được một phần lương, tiền công thì khoản tiền lương, tiền công không được nhận được coi là bị giảm có nghĩa là mất, hoặc mất một phần nên được bồi thường. Hướng giải quyết đối với những trường hợp này cần xác định người bị thiệt hại gồm cả trường hợp đã chết được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút trong thời gian họ bị tạm giữ hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh và trong thời gian điều trị do sức khỏe bị xâm hại. Trong thời gian này, người bị thiệt hại được cơ quan, người sử dụng lao động trả lương, trả tiền công lao động đầy đủ theo quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội thì họ không nhận được khoản tiền bồi thường tương ứng; nếu người bị thiệt hại được cơ quan, người sử dụng lao động trả lương, tiền công một phần thì phần còn lại được xác định là thu nhập thực tế bị giảm sút và họ được bồi thường khoản thu nhập bị giảm sút đó.

Ví dụ: Sau khi khẳng định “Quyết định số 236, ngày 22-5-2002 của Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân kỷ luật cảnh cáo bà Hân, Bà Hân đã khiếu nại quyết định trên đến Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và các cơ quan trung ương. Quyết định số 860, ngày 1-4-2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã hủy Quyết định số 236 của Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân, một bản án đã xét rằng “về yêu cầu bồi thường 36 tháng $\times$ 4.000.000 đồng = 144.000.000 đồng không có cơ sở vì bà Hân là giáo viên công lập, ăn lương từ ngân sách nhà nước, phần thi nhập tự lương không bị cắt giảm nên không có căn cứ giải quyết”⁷.

Cách tính mất, giảm thu nhập của cá nhân được áp dụng đối với một người khi người đó có thu nhập thường xuyên ổn định thì việc xác định mức mất, giảm thu nhập không có nhiều khó khăn. Đối với thiệt hại trong lĩnh vực quản lý hành chính cần xác định theo hướng trước khi xảy ra thiệt hại mà người bị thiệt hại có thu nhập ổn định từ tiền lương trong biên chế, tiền công từ hợp đồng lao động thì căn cứ vào mức lương, tiền công của tháng liền kề của người đó trước khi xảy ra thiệt hại để xác định khoản thu nhập thực tế. Đối với cách tính mất, giảm thu nhập của cá nhân cũng cần được quy định thống nhất trong

⁷ Theo bản án số 79/2000/DS-PT, ngày 21-12-2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

các lĩnh vực tổ tụng dân sự và tổ tụng hành chính tổ tụng hình sự và thi hành án dân sự.

Trong thực tế, khó khăn phát sinh khi người bị thiệt hại không có thu nhập ổn định và Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước có quy định trường hợp cá nhân có thu nhập thường xuyên nhưng không ổn định thì mức bồi thường được xác định căn cứ vào thu nhập trung bình trong ba tháng liền kề trước thời điểm thiệt hại xảy ra⁸.

Đối với vụ án của bà Hồng theo quyết định của bản án số 01/2013/DS-ST, ngày 25/1/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã đề cập ở trên đã được vận dụng các quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Cụ thể, theo Tòa án, “bà Hồng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khai thác, chế biến, vận chuyển gỗ rừng trồng, sản xuất, mua bán các sản phẩm từ gỗ. Qua báo cáo tài chính và có xác nhận của cơ quan thuế Hải Lăng, thu nhập trung bình 3 tháng liền kề của bà Hồng trước khi bị bắt giam là 30.762.027 đồng/tháng. Theo quy định trên, chấp nhận ý kiến của bị đơn bồi thường cho bà Hồng mất thu nhập trong thời gian 3 tháng tạm giam, tổng cộng là 83.057.000 đồng (30.762.027 đồng: 30 X 81 ngày)”.

Đối với cá nhân có thu nhập không ổn định và không có cơ sở xác định cụ thể hoặc thu nhập có tính chất thời vụ thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương.

Trường hợp không xác định được thu nhập trung bình thì tiền bồi thường được xác định theo mức lương tối thiểu chung đối với cơ quan nhà nước tại thời điểm giải quyết bồi thường. Về vấn đề này, cần quy định cụ thể theo hướng khi xảy ra thiệt hại mà người bị thiệt hại là nông dân, ngư dân, người làm muối, người trồng rừng, người làm thuê, người buôn bán nhỏ, thợ thủ công, lao động khác có thu nhập nhưng theo mùa vụ hoặc không định thì lấy mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương; nếu không xác định được thu nhập trung bình thì lấy mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định áp dụng cho công chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước tại thời điểm giải quyết bồi thường làm căn cứ để xác định khoản thu nhập thực tế. Đồng thời cũng cần quy định đối với lĩnh vực tổ tụng dân sự, tổ tụng hành chính, tổ tụng hình sự cũng như trong lĩnh vực thi hành án dân sự.

⁸ Khoản 2, Điều 46 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Trong thực tế có thể xảy ra trường hợp người bị thiệt hại có thu nhập ổn định tại thời điểm có hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ nhưng do sự việc đã xảy ra quá lâu nên không có chứng cứ xác định thu nhập của người bị thiệt hại nên Tòa án đã xác định thu nhập theo mức lương tối thiểu chung đối với cơ quan nhà nước tại thời điểm giải quyết bồi thường. Ví dụ, theo một bản án, “ông Trung trước thời điểm bị thiệt hại (ngày bị bắt tạm giam ngày 28-4-1988) là cán bộ, công chức nhà nước đang giữ chức Phó phòng nông nghiệp huyện. Đáng lẽ ra phải căn cứ vào hệ số lương và phụ cấp chức vụ của ông tại thời điểm này để tính thu nhập bị mất. Tuy nhiên do ông và cơ quan nhà nước nơi ông công tác trước đây đều không lưu giữ các văn bản này để cung cấp cho Tòa án, nên Tòa án không có căn cứ để tính. Với những chứng cứ như vậy, Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 46 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước xác định tiền bồi thường thu nhập bị mất là mức lương tối thiểu chung của Nhà nước tại thời điểm bồi thường”.

Như đã phân tích về cách tính mất, giảm thu nhập trong một đơn vị thời gian ở trên nhưng chưa cho biết cách xác định khoảng thời gian mất, giảm thu nhập. Thực ra, cách tính thời gian mất, giảm thu nhập là rất khó và Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không đưa ra được quy định chung. Trong thực tế, Tòa án phải căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể để xác định. Trong trường hợp cá nhân bị tạm giam và tạm tha, có Tòa án đã tính khoảng thời gian mất, giảm thu nhập bằng thời gian tạm giam và cho thêm một khoảng thời gian nữa tương đương với thời gian tìm được công việc mới. Cụ thể, theo Tòa án, “thời gian tính thu nhập bị mất là thời gian ông Trung bị tạm giữ, tạm giam 88 ngày, cộng thêm một khoảng thời gian gấp đôi số ngày ông bị tạm giữ, tạm giam sau khi được cho tại ngoại, do thời gian này ông Trung có thể chưa đi lao động lại được. Tổng cộng là 176 ngày”.

Sau khi bị tạm giam hay tạm giữ, người bị thiệt hại có thể làm việc để có thu nhập nhưng thu nhập vẫn có thể bị giảm so với trước đây. Trong trường hợp này, có Tòa án vẫn chấp nhận yêu cầu bồi thường giảm sút thu nhập. Chẳng hạn, trong vụ việc liên quan đến bà Hồng, Tòa án đã xét rằng: “Mặc dù sau gần 3 tháng bị tạm giam, doanh nghiệp của bà Hồng đã hoạt động trở lại vào tháng 6-2010, nhưng từ khi tại ngoại đến khi xét xử phúc thẩm, bà Hồng đang bị cơ quan điều tra, truy tố, xét xử làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín làm ăn của bà Hồng

Đối với các đối tác làm ăn không được như trước nên thu nhập thực tế từ hoạt động của doanh nghiệp bị giảm sút thể hiện tại báo cáo tài chính của doanh nghiệp (...). Vì vậy, có cơ sở buộc Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng bồi thường cho bà Hồng thu nhập bị giảm sút”.

Có thể xảy ra trường hợp người bị thiệt hại có hoạt động theo đăng ký kinh doanh nhưng còn có thu nhập ngoài hoạt động đã đăng ký. Trong trường hợp này mất, giảm thu nhập được bồi thường không chỉ bao gồm mất, giảm thu nhập theo đăng ký kinh doanh mà còn cả mất, giảm thu nhập hợp pháp khác. Trong vụ việc liên quan đến bà Hồng, Tòa án không chỉ chấp nhận yêu cầu bồi thường đối với mất, giảm thu nhập theo đăng ký kinh doanh mà còn chấp nhận cả “mất thu nhập từ việc kinh doanh mua bán rừng mà theo quy định của Nhà nước thì hoạt động này không bắt buộc phải đăng ký kinh doanh”.

Đối với cách tính mất, giảm thu nhập của tổ chức được quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về quyền được bồi thường mất, giảm thu nhập của tổ chức nhưng không cho biết cách thức tính mất, giảm thu nhập được bồi thường. Trên thực tế, trong lĩnh vực quản lý hành chính, việc bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của tổ chức được xác định trên cơ sở thu nhập trung bình của 2 năm liền kề trước thời điểm xảy ra thiệt hại. Thu nhập của tổ chức được xác định theo báo cáo tài chính hợp pháp của tổ chức; trường hợp không có báo cáo tài chính, tổ chức có thể chứng minh thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút bằng các tài liệu, chứng cứ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Cần quy định cụ thể về cách tính mất, giảm thu nhập của tổ chức được quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để áp dụng cho cả lĩnh vực tổ tụng hình chính, tổ tụng dân sự và thi hành án dân sự.

Trường hợp tổ chức được thành lập chưa đủ hai năm tính đến thời điểm xảy ra thiệt hại thì thu nhập thực tế của tổ chức được xác định trên cơ sở thu nhập bình quân trong thời gian hoạt động thực tế của tổ chức đó đã phù hợp hay chưa, điều này cần được nghiên cứu và quy định cụ thể trong cả hoạt động tổ tụng hình chính, tổ tụng dân sự, tổ tụng hình sự và lĩnh vực thi hành án.

Những tranh chấp về xác định mất giảm thu nhập của tổ chức rất ít. Sau đây là một ví dụ rất hiếm.

Cụ thể, trong một vụ việc xuất phát từ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ trong. Lĩnh vực quản lý hành chính mà chủ thể bị thiệt hại là Công ty Xuân Lan, theo một bản án, “căn cứ vào lời khai của nhân chứng là ông Toàn, Giám đốc Công ty. Dịch vụ Việt Nam đã xác định: sau ngày 20-6-2012 những sản phẩm từ Công ty Xuân Lan không tiêu thụ được do khách hàng đọc trên báo và xem trên tivi các bài báo cũng như các phóng sự sản phẩm của Công ty Xuân Lan kém chất lượng, do đó, Công ty đã hủy hợp đồng ký kết trước đó là nhận lại tiền cọc là 17.132.500 đồng. Trong tháng 10-2012 cũng đã hoàn trả 2 đợt hàng cho Xuân Lan và nhận lại số tiền là 227.779.860 đồng. Lời khai này phù hợp với các chứng cứ là hai hóa đơn VAT số 0000084, ngày 25-09-2012 và hóa đơn VAT số 000085, ngày 9-10-2012 của Công ty Dịch vụ Việt Nam xuất trả số hàng hóa đã mua của Công ty Xuân Lan, bên cạnh đó, người khởi kiện còn chứng minh bằng những hình ảnh của số hàng hóa mà Công ty Dịch vụ Việt Nam bị trả về hiện còn lưu kho ở Công ty Xuân Lan đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Xét đây là thiệt hại thực tế xảy ra, là hậu quả từ việc bán hàng quyết định kiểm tra, khám xét không đúng quy định pháp luật và không đảm bảo thông tin bí mật khi thi hành công vụ của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường. Do đó, căn cứ Điều 46 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước Điều 4 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC- TTCP, ngày 26-11-2010 của Bộ Tư pháp Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ, buộc Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường thiệt hại thu nhập bị mất cho Công ty Xuân Lan là 227.779.860 đồng”.

Ở đây Tòa án không xác định thu nhập trung bình mà tính trực tiếp thiệt hại trên cơ sở chứng cứ chứng minh sự tồn tại của thiệt hại.

Đối với trường hợp có mất, giảm thu nhập các quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước chủ yếu tập trung vào việc khẳng định quyền được bồi thường mất, giảm thu nhập cũng như cách xác định thu nhập bị mất, giảm và không cho bị trong những trường hợp nào, có mất giảm thu nhập. Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định về mất, giảm thu nhập khi sức khỏe bị xâm phạm; người có sức khỏe bị xâm phạm và người chăm sóc được bồi thường mất, giảm thu nhập.

Thực ra, khoản 1 Điều 46 quy định cá nhân, tổ chức có thu nhập mà xác định được thì được thưởng theo thu nhập thực tế bị mất, không giới hạn ở

trường hợp cá nhân có sức khỏe bị tổn hại. Bản thân điều khoản nay cho thấy mất, giảm thu nhập được bồi thường ngay cả khi không thuộc trường hợp sức khỏe bị tổn hại vì điều luật ghi nhận quyền được bồi thường mất, giảm thu nhập cho cả “tổ chức” trong khi đó tổ chức không có sức khỏe nên không có sức khỏe bị tổn hại. Do đó, khi cá nhân, tổ chức chứng minh có mất, giảm thu nhập xuất phát từ hành vi trái pháp luật thuộc trường hợp được bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì mất, giảm thu nhập của họ được bồi thường cho dù họ không thuộc trường hợp có tổn hại về sức khỏe.

Thực tiễn xét xử đã theo hướng người bị cấm đi khỏi nơi cư trú không có sức khỏe bị xâm hại được coi là mất, giảm thu nhập nên được bồi thường. Tương tự như vậy, khi người bị thiệt hại bị thu giữ xe một cách trái phép, thực tiễn xét xử theo hướng người này cũng được bồi thường mất, giảm thu nhập do xe không được khai thác. Nếu hoàn cảnh như vậy xảy ra và cần áp dụng. Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì không có lý do gì để không chấp nhận bồi thường mất giảm thu nhập, cho dù không thuộc trường hợp có sức khỏe bị tổn hại.

c) Thiệt hại do người bị thiệt hại chết, tổn hại về sức khỏe

Do tổn hại về sức khỏe. Khi một người có tổn hại về sức khỏe, về cơ bản, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ghi nhận những thiệt hại được bồi thường giống các quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Đối với người có tổn hại về sức khỏe, ngoài việc được bồi thường mất, giảm thu nhập như đã trình bày ở trên, “chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi thu nhập của xe”. Khi xét xử giám đốc thẩm, Tòa dân sự xét rằng: “Chấp hành viên cơ quan thi hành án quận Thanh Xuân quyết định cưỡng chế kê biên chiếc xe ô tô trên và làm thủ tục kê biên không đúng các quy định của pháp luật, nên đã gây thiệt hại cho ông Đức. Do đó, ông Đức khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại, Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Đức để buộc cơ quan thi hành án quận Thanh Xuân bồi thường cho ông Đức là đúng” (Quyết định số 65/2006/DS-GĐT, ngày 28-3-2006 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao). Lưu ý là trong quyết định giám đốc thẩm này, Tòa dân sự vẫn hủy án sơ thẩm và phúc thẩm nhưng vì lý do chưa xác định chính xác mức thiệt hại được bồi thường.

Tình trạng sức khỏe bị giảm sút của người bị thiệt hại cũng được bồi thường theo quy định tại Khoản 1 Điều 49, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Tuy nhiên, cần quy định cụ thể về chi phí này trong lĩnh vực tổ tụng hình sự theo hướng những chi phí trước khi cá nhân chết và các chi phí cho việc lắp chân giả, tay giả, mắt giả, mua xe lăn, xe đẩy, nạng chống và phục hồi thẩm mỹ và các chi phí khác để hỗ trợ hoặc thay thế một phần chức năng của có thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại (nếu có).

Trong lĩnh vực tổ tụng hình sự cũng cần quy định theo hướng nếu cơ quan nhà nước đã thanh toán toàn bộ các chi phí này thì người bị thiệt hại không được bồi thường; trường hợp cơ quan nhà nước, đã thanh toán một phần các chi phí này thì người bị thiệt hại được bồi thường phần chi phí còn lại”.

Đối với người chăm sóc người có sức khỏe bị tổn hại được quy định thiệt hại được bồi thường còn gồm chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị⁹, về trường hợp được bồi thường trong lĩnh vực tổ tụng hình sự Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cần quy định theo hướng người bị thiệt hại chỉ được bồi thường chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại về việc chăm sóc đó là cần thiết hoặc do Cơ sở y tế yêu cầu. Đồng thời, cũng cần quy định cụ thể như vậy trong lĩnh vực quản lý hành chính.

Về chi phí được bồi thường trong lĩnh vực tổ tụng hình sự và trong lĩnh vực quản lý hành chính đều theo hướng các chi phí hợp lý của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị bao gồm tiền tàu, xe đi lại, tiền thuê nhà trọ giá trung bình ở địa phương nơi phát sinh việc chi phí (nếu có).

Liên quan đến mất giảm thu nhập của người chăm sóc, trong lĩnh vực tổ tụng hình sự và trong khu vực quản lý hành chính nêu trên đều hướng xác định như đối với người bị thiệt hại đã được phân tích ở trên.

Đối với trường hợp mất khả năng lao động. Xảy ra trường hợp người bị thiệt hại có sức khỏe bị tổn hại tới mức không còn khả năng lao động. Để bảo vệ người bị thiệt hại, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cần quy định cụ thể hơn theo hướng trong trường hợp người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại được bồi thường bao gồm

⁹ Khoản 3 Điều 49, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại và khoản cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Khoản cấp dưỡng hàng tháng được xác định là mức lượng tối thiểu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc đã được xác định theo quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền¹⁰.

Thứ nhất, người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc là người không còn khả năng thực hiện, hoạt động sản xuất ra của cải vật chất do bị liệt cột sống, mù hai mắt, liệt hai chi, bị tâm thần nặng và các trường hợp khác, như vậy có thể hiểu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc là người không còn khả năng thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Thứ hai, chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại mất khả năng lao động được tính bằng mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người bị tàn tật ở địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú. Thực tế, hướng xác định chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại mất khả năng lao động đã tồn tại trong phần những quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Nghị quyết số 03/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với trường hợp người bị thiệt hại chết Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước chia hai giai đoạn là trước và sau khi cá nhân chết.

Đối với giai đoạn trước khi cá nhân chết các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết¹¹ là những thiệt hại được bồi thường. Cách tiếp cận này cũng giống Bộ luật dân sự trong phần những quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, trong lĩnh vực tố tụng hình sự cần làm rõ những chi phí này và quy định theo hướng là chi phí thực tế cần thiết, phù hợp với tính chất, mức độ của thiệt hại, phù hợp với giá trung bình ở từng địa phương tại thời điểm chi, bao gồm: tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế; tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế; chi phí chiếu, chụp X quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu theo chỉ định của bác sĩ; tiền viện phí; tiền tiếp đạm, tiền bồi dưỡng

¹⁰ Khoản 4 Điều 49, Luật trách nhiệm Bồi thường của Nhà nước

¹¹ Khoản 1 Điều 48, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

phục hồi sức khỏe cho người bị thiệt hại theo chỉ định của bác sĩ; các chi phí thực tế, cần thiết khác trước khi người bị thiệt hại chết (nếu có).

Bên cạnh đó, nội dung quy định trên cần sắp xếp lại và liệt kê cho đầy đủ. Chẳng hạn, trước khi chết, người bị thiệt hại có thể mất, giảm thu nhập do sức khỏe bị tổn hại. Do đó, sẽ là thuyết phục, chúng ta áp dụng các quy định về xác định thiệt hại do sức khỏe bị tổn hại cho giai đoạn trước khi cá nhân chết.

Đối với giai đoạn sau khi người bị thiệt hại chết, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước có một số nội dung tương đồng với quy định trong phần bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như ghi nhận việc bồi thường chi phí mai táng và cấp dưỡng. Tuy nhiên, cách xác định hai thiệt hại vừa nêu khác với Bộ luật dân sự đối với chi phí mai táng. Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không quy định theo hướng chấp nhận chi phí hợp lý mà quy định chấp nhận phí cho việc mai táng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội¹². Cần quy định rõ vấn đề này trong lĩnh vực quản lý hành chính về chi phí cho việc mai táng theo hướng được xác định theo mức trợ cấp mai táng theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

Đối với việc cấp dưỡng, được coi là thiệt hại được bồi thường tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và tiền cấp dưỡng hàng tháng được xác định là mức lương tối thiểu¹³.

Đối với những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và thời gian được hưởng tiền cấp dưỡng của mỗi người trong lĩnh vực tố tụng hình sự cần được quy định theo hướng xác định được thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ nhân và gia đình.

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực quản lý hành chính cần quy định rõ chỉ bồi thường khoản tiền cấp dưỡng cho những người là người thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại khoản 3 Điều 48 của Luật nếu trước khi bị tạm giam hành chính, bị dựa vào cơ sở giáo dục cơ sở chữa bệnh mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng trong thời gian tạm giữ hành chính; bị đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh bị chết. Những người đang được người bị thiệt hại cấp dưỡng được bồi thường khoản tiền cấp dưỡng đó.

¹² Khoản 2 Điều 48, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

¹³ Khoản 3 Điều 48 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Đối với thiệt hại về vật chất khác

Căn cứ theo tình hình thực tế hiện nay cần phải quy định nguyên tắc bồi thường thiệt hại theo thực tế, có nghĩa là thiệt hại đến đâu phải bồi thường đến đó nhằm hạn chế các vụ án oan sai do hiện tượng lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cần quy định rõ hơn về những thiệt hại nêu trên. Luật có đưa ra một số điều luật về thiệt hại được bồi thường và không cho biết chỉ những thiệt hại được liệt kê mới được bồi thường. Do đó, trên cơ sở Điều 6 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hiện hành cần xác định trách nhiệm bồi thường theo đó cần có “thiệt hại thực tế”, cần theo hướng nếu những thiệt hại không được liệt kê minh thị tại chương V nhưng có quan hệ nhân quả với hành vi của người thi hành công vụ thì cần được bồi thường.

Trường hợp tài sản bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu phải được trả lại ngay khi quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu bị hủy bỏ nhưng không cho biết ai chịu chi phí cho việc hoàn trả tài sản nên cần quy định cụ thể theo hướng mọi chi phí cho việc vận chuyển, lắp ráp, khôi phục hiện trạng ban đầu của tài sản do cơ quan đã ra quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu chi trả.

Trong thực tế chi phí khiếu nại hành chính đã có Tòa án áp dụng theo hướng chấp nhận những chi phí phát sinh từ việc khiếu nại đối với hành vi của người thi hành công vụ.

Cụ thể, sau khi khẳng định quyết định hành chính bị hủy (do trái pháp luật), một Tòa án đã xét rằng “trong thời gian từ ngày 22-5-2002 đến ngày 1-4-2005 là thời gian gần 3 năm Quyết định số 236 của ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân bị hủy bỏ, bà Hân có làm đơn khiếu nại nhiều nơi gửi bằng thư bảo đảm qua bưu điện hoặc đến trực tiếp các cơ quan chức năng. Theo tài liệu bà Hân nộp trong hồ sơ thì giai đoạn trên bà Hân có ra Hà Nội đến Bộ Nội vụ nhiều lần. Theo Công văn số 1123, ngày 22-12- 2002, Công văn số 1425, ngày 27-6-2003 và Công văn số 2970, ngày 18-12-2003 để khiếu nại (tổng cộng 4 lần). Nhưng vé tàu hỏa bà Hân nộp chỉ có vé Hà Nội - Thanh Hóa ngày 6-11-2003 là 39.000 đồng, Hà Nội - Thanh Hóa ngày 4-12-2003 là 39.000 đồng, còn các vé tàu khác năm 2006 - 2007. Vì vậy chỉ chấp nhận bồi thường cho bà Hân tiền mua vé tàu 4

lần X 78.000 đồng (cả đi và về) = 312.000 đồng. Tiền gửi thư bảo đảm theo biên lai thu của bưu điện gửi cấp tỉnh và trung ương từ năm 2002 đến năm 2004, cộng thành tiền, là 105.000 đồng. Tổng cả hai khoản = 417.000 đồng được chấp nhận bồi thường”.

Hướng giải quyết như trên là rất thuyết phục và cần được cụ thể hóa quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Về chi phí tố tụng. Có nhiều trường hợp sau khi kiện được cơ quan tòa án để bồi thường thì mất 1/3 số tiền đẩy để thuê luật sư chưa kể tiền lại không ai cho, cho nên nhiều trường hợp người ta bỏ cuộc, bỏ cuộc vì không đủ tiền để thuê chứng cứ và thuê luật sư ra tòa. Nếu biết rằng chi phí này là hợp pháp, là được phép thì văn phòng luật sư phải ký hợp đồng và sau này khi được bồi thường sẽ bù lại chi phí này.

Thực tế cho thấy chi phí tố tụng, có quan hệ nhân quả với hành vi của người thi hành công vụ. Do đó, việc cho phép được bồi thường những chi phí này là thuyết phục: đây là một loại thiệt hại thực tế bắt nguồn từ hành vi sai trái của người thi hành công vụ. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự thiệt hại vật chất thuộc trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự bao gồm; thiệt hại do tài sản bị xâm phạm; thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút; thiệt hại về vật chất do người được bồi thường về vật chất do bị tổn hại về sức khỏe; chi phí thực tế người bị thiệt hại đã bỏ ra trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử như: chi phí thuê người bào chữa, chi phí tàu xe, đi lại.

Trong lĩnh vực hình sự cần quy định rõ loại chi phí này là thiệt hại thực tế tại, theo đó thiệt hại vật chất thuộc trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự, bao gồm: chi phí thực tế người bị thiệt hại đã bỏ ra trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử như: chi phí thuê người bào chữa, chi phí tàu xe, đi lại. Trong thực tế, đã có Tòa án theo hướng chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí thuê luật sư. Chẳng hạn, theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự, qua hai cấp xét xử của Tòa án thể hiện ở hai bản án sơ thẩm, phúc thẩm hình sự, bà Hồng có thuê hai Luật sư bào chữa theo hợp đồng, có phiếu thu số tiền 30 triệu đồng là có cơ sở, nên cần chấp nhận buộc Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng bồi thường 30 triệu đồng.

Quy định nêu trên liên quan đến chi phí tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và chưa nói rõ chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường của Nhà nước hay không. Trong vụ việc nêu trên, bà Hồng đã phải trả chi phí tố tụng trong giai đoạn tố tụng hình sự và Tòa án đã cho bà Hồng được bồi thường nhưng bản án chưa đề cập rõ về những chi phí tố tụng (nếu có) phát sinh trong giai đoạn giải quyết yêu cầu bồi thường đối với Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng. Theo xu thế chung hiện nay, chúng ta nên chấp nhận cả chi phí tố tụng phát sinh trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường của Nhà nước.

Tiền bị phạt, bồi thường với đối tác. Có thể do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ mà một người có thể bị đối tác phạt hay yêu cầu bồi thường. Khoản tiền phạt, bồi thường này có được coi là thiệt hại được bồi thường không?

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không rõ về chủ đề này nhưng trong thực tiễn xét xử trước đây có Tòa án đã theo hướng đây là thiệt hại được bồi thường. Ví dụ, theo một bản án, “đủ cơ sở và lý luận cho rằng việc Chi cục Hải quan khu vực 4 buộc Công ty Hưng Cơ phải làm thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa rồi mới cho thông quan là trái quy định của pháp luật. Việc làm trên đã gây thiệt hại cho Công ty Hưng Cơ; chậm giao hàng cho đối tác theo Hợp đồng thương mại số 10/SPC, ngày 27-10-2008 với số tiền phạt 203.007.112 đồng (theo phiếu thu số PT 01-37-10). Nay Công ty Hưng Cơ khởi kiện Chi cục Hải quan khu vực 4 phải bồi thường số thiệt hại trên là có cơ sở pháp luật”.

Hướng giải quyết như trên là rất thuyết phục, nên được duy trì và phát triển Đối với hoàn cảnh tương tự. Trong vụ việc liên quan đến bà Hồng mà chúng ta đã có dịp đề cập đến, Tòa án cũng theo hướng vừa nêu. Cụ thể, theo Tòa án, “vì không trả lại đất cho nhóm hộ ông Xuân đúng thời gian nên nhóm hộ ông Xuân đã thông báo buộc bà Hồng phải bồi thường và thực tế bà Hồng đã bồi thường thiệt hại 3 năm cho nhóm ông Xuân là 123.000.000 đồng, nay chỉ yêu cầu Viện kiểm sát bồi thường 41.000.000 đồng (1 năm). Thiệt hại này là do Công an và Viện kiểm sát khởi tố, truy tố đến khi có bản án phúc thẩm của Tòa án tỉnh là 1 năm. Vì vậy, cần chấp nhận buộc Viện kiểm sát phải bồi thường 41.000.000 đồng”.

Chi phí đi lại của người thân. Trong lĩnh vực quản lý hành chính, có trường hợp Tòa án còn chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí đi lại dự phiên tòa của người thân của người bị thiệt hại khi được cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường đồng ý. Chẳng hạn, sau khi khẳng định “ủy ban nhân dân huyện Châu Thành ra quyết định về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy đối với Sơn không đúng pháp luật”, một Tòa án đã xét rằng “đối với yêu cầu bồi thường tiền chi phí trích dẫn từ Trung tâm giáo dục lao động xã hội Tây Ninh về Tòa án nhân dân huyện Châu Thành là 1.000.000 đồng; tiền thuê xe dự phiên tòa ở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 2.400.000 đồng, xét thấy thực tế bà Dung, ông Thọ có chi tiền thuê xe đi từ Trung tâm giáo dục xã hội Tây Ninh và dự phiên; tòa tại Thành phố Hồ Chí Minh, ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cũng đồng ý bồi thường số tiền chi phí trích dẫn và chi phí đi dự phiên tòa nên ghi nhận.

Chi phí bảo vệ tài sản. Trong Điều 45 về thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không đề cập đến chi phí bảo quản tài sản trong thời gian người bị thiệt hại bị giam giữ.

Trong thực tế, có Tòa án đã chấp nhận yêu cầu bồi thường đối với loại chi phí nêu trên. Chẳng hạn, trong vụ việc liên quan đến bà Hồng mà chúng ta đã đề cập đến, Tòa án đã xét rằng “bà Hồng bị bắt, doanh nghiệp ngừng hoạt động thì việc thuê người bảo vệ xưởng cưa là cần thiết. Vì vậy, ngày 10-2-2010, ông Hà (bố của bà Hồng) đã hợp đồng thuê ông Phương bảo vệ. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bồi thường 10 tháng là không có căn cứ vì bà Hồng bị tạm giam gần 3 tháng. Mặt khác xưởng cưa đã đi vào hoạt động lại tháng 6-2010. Do đó, chấp nhận ý kiến của bị đơn Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng bồi thường cho bà Hồng thuê người bảo vệ 3 tháng”.

Trong thực tế, bà Hồng còn phải tham dự các buổi làm việc phục vụ cho việc xét xử. Đối với những trường hợp này, thiết nghĩ người bị thiệt hại cũng được bồi thường đối với chi phí thuê bảo quản tài sản trong thời gian người bị thiệt hại phải vắng mặt để phục vụ cho công việc điều tra, xét xử.